

1. Tên Công ty quản lý quỹ:
Fund Management Company:
2. Tên Ngân hàng giám sát:
Supervising bank:
3. Tên Quỹ:
Fund name:
4. Mã chứng khoán:
Securities code:
5. Kỳ báo cáo:
Reporting Period:
6. Ngày lập báo cáo:
Reporting Date:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
PHU HUNG FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi
nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Quỹ ETF PHFM VNSHINE
PHFM VNSHINE ETF

FUEPHVNS

Từ 16/10/2026 đến 22/10/2026
From 16-Oct-2026 to 22-Oct-2026
23/10/2026
23-Oct-2026

Đơn vị tính: VND
Unit: VND

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng tuần/Weekly report on change of net asset value

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỲ BÁO CÁO NÀY THIS PERIOD 22/10/2026	KỲ BÁO CÁO TRƯỚC LAST PERIOD 15/10/2026
1	Giá trị tài sản ròng (NAV)		
1	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ		
1.1	của quỹ/per Fund	262,138,625,537	262,993,787,970
1.2	của một lô chứng chỉ quỹ/per lot of Fund certificate	923,023,329	932,602,085
1.3	của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate	9,230.23	9,326.02
2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ		
2.1	của quỹ/per Fund	266,604,501,796	262,138,625,537
2.2	của một lô chứng chỉ quỹ/per lot of Fund certificate	938,748,245	923,023,329
2.3	của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate	9,387.48	9,230.23
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó:		
3.1	Thay đổi do biến động thị trường và các hoạt động giao dịch của quỹ trong kỳ	4,465,876,259	-2,717,333,366
3.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ	-	1,862,170,933
3.2.1	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	-	-
3.2.2	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	-	1,862,170,933
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ so với kỳ trước	157.25	-95.79
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)	266,604,501,796	263,276,336,962
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/Lowest value (VND)	248,721,745,556	248,721,745,556
II	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một		
1	Giá trị đầu kỳ	9,240	9,360
2	Giá trị cuối kỳ	9,360	9,240
3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước	120	-120
4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một		
4.1	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/Absolute difference (VND)	-27.48	9.77
4.2	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/Relative difference (discount)	-0.29%	0.11%
5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)	10,030	10,030
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/Lowest value (VND)	9,200	9,200

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory Bank



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN
CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Đại diện có thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Lu, Hui-Hung
Tổng Giám đốc